

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2024/TB-TLVA ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-DS ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H; sinh năm 1957; thường trú: 35/7 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Kiều O; sinh năm 1972; thường trú: số A khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: E đường Q, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 23/02/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023, bà Trần Thị H tham gia chơi hụi do bà Hồ Thị Kiều O làm chủ hụi, các dây hụi có nhiều người cùng tham gia. Khi chơi hụi các bên thoả thuận loại hụi tháng sẽ khui 6 lần mỗi tháng, tương ứng với 5 ngày khui 1 lần. Hình thức hốt hụi là ai bỏ hụi cao nhất của kỳ khui hụi thì sẽ được hốt, hụi chết đóng mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi kết thúc. Bà H tham gia tổng cộng 5 dây hụi do bà O làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 10/8/2022 âm lịch, dây hụi đóng 10.000.000 đồng, hụi có 25 phần, bà H tham gia 6 phần, đóng được 12 lần với số tiền đã đóng là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 15/5/2022 âm lịch, dây hụi đóng 10.000.000 đồng, hụi có 22 phần, bà H tham gia 12 phần, trong đó có 06 phần hụi sống đóng được 14 lần với số tiền đã đóng là 840.000.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu đồng), 06 phần hụi chết đóng được 8 lần với số tiền là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền hốt hụi còn lại bà O chưa giao cho bà H là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

- Dây hụi thứ ba: Dây hụi mở ngày 20/3/2021 âm lịch, dây hụi đóng 10.000.000 đồng, hụi có 27 phần, bà H tham gia 16 phần, đã đóng được 25 lần, với tổng số tiền đã đóng cho bà O là 1.750.000.000 đồng, đối với dây hụi này bà H đã hốt được 180.000.000 đồng, còn lại tiền hụi bà O chưa giao lại cho bà H là: 1.570.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Mở ngày 25/5/2022 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng, hụi có 20 phần, bà H tham gia 10 phần, trong đó có 5 phần hụi sống đóng được 14 lần với số tiền hốt hụi là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), 5 phần hụi chết đóng được 6 lần với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Số tiền hốt hụi còn lại bà O chưa giao là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

- Dây hụi thứ năm: Mở ngày 20/2/2023 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng, hụi có 21 phần, bà H tham gia 14 phần, trong đó 13 phần hụi sống đóng được 6 lần với số tiền hốt hụi là 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng), 1 phần hụi chết đóng được 15 lần với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền hốt hụi còn lại bà O chưa giao là 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng).

Sau nhiều lần bà H yêu cầu bà O phải giao lại toàn bộ số tiền mà bà H đã đóng hụi cho bà O nhưng bà O không giao trả thì ngày 12/8/2023 bà O đã ghi giấy xác nhận nợ có nội dung *“tôi có nợ hụi (Trần Thị H) 3.680.000.000 (ba tỷ sáu trăm tám mươi triệu chẵn, thời gian từ giờ đến tết tôi sẽ trả số nợ này nếu sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*.

Ngoài ra, vào ngày 01/8/2023 bà H còn cho bà O vay số tiền là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng để giải quyết việc cá nhân, đối với số tiền này bà O nhận tiền mặt và

có ghi giấy mượn nợ. Tại giấy mượn nợ ngày 01/8/2023 bà O có ghi “*thời hạn thanh toán số tiền thời hạn 4 tháng (1-8 đến 01/12) 2023 sau thời hạn thanh toán tôi không có khả năng chi trả tôi sẽ chịu pháp luật hoàn toàn*”. Cho đến nay đã quá thời hạn mà bà O cam kết sẽ trả lại tiền cho bà H, nhưng bà O không thực hiện.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An buộc bà Hồ Thị Kiều O trả cho bà tổng số tiền bao gồm tiền hụi và tiền vay với số tiền là 7.680.000.000 (bảy tỷ sáu trăm tám mươi triệu) đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Đối với chồng của bà O là ông Nguyễn Quốc T, trong quá trình chơi hụi thì thi thoảng ông Nguyễn Quốc T có tới nhận tiền hụi thay cho bà O nhưng do bà không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án về việc ông T có biết về số tiền hụi và tiền vay mà bà O đã nhận từ bà nên bà không yêu cầu ông Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Hồ Thị Kiều O trả số tiền trên cho bà Trần Thị H.

- *Bị đơn bà Hồ Thị Kiều O vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án*: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bà O có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại Bản tường trình và cung cấp chứng cứ ngày 20/5/2024, bà O xác nhận đã nhận được thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ mà bà O là bị đơn. Bà O trình bày: “*từ tháng 04/2021 tôi có vay của bà Trần Thị H số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), tiền lãi mỗi tháng là 120.000.000 đồng (3%/ tháng), đã đóng lãi được 12 tháng. Tiền hụi đóng góp được cho tôi là 3.500.600 đồng là ngưng từ tháng 07/2023. Hụi phải đóng lại là 1.110.000.000 đồng. Ngoài ra bà O không còn nhận khoản tiền nào của bà Nguyễn Thị L cả. Nay bà Trần Thị H khởi kiện tôi tại tòa, tôi xin cung cấp thông tin như trên*”.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị H đã có có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 12/4/2024 và ngày 21/6/2024 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về việc không triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Dương N là chồng của bà Trần Thị H có giấy công nhận đăng ký kết hôn ngày 19/02/1985, ngày 21/5/2024 ông N xác định số tiền bà H đóng hui và cho bà O vay là tài sản riêng của bà H nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông tham gia tố tụng và có đơn từ chối tham gia tố tụng. Đối với ông Nguyễn Quốc T là chồng của bà Hồ Thị Kiều O, nguyên đơn bà Trần Thị H xác định không yêu cầu ông Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Hồ Thị Kiều O thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Trần Thị H nên Tòa án không triệu tập ông Nguyễn Quốc T tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: giấy mượn nợ ngày 01/8/2023, giấy xác nhận nợ ngày 12/8/2023 có chữ ký và dấu vân tay của bà Hồ Thị Kiều O và bản tường trình cung cấp chứng cứ ngày 20/5/2024 của bà Hồ Thị Kiều O về việc bà O thừa nhận có vay của bà H số tiền 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng và việc bà H có góp hui cho bà O. Do đó, có cơ sở để xác định bà Hồ Thị Kiều O có vay của bà Trần Thị H số tiền là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng. Bà H đã giao đủ số tiền 4.000.000.000 đồng cho bà Hồ Thị Kiều O. Ngoài ra, tại Giấy xác nhận nợ ngày 12/8/2023 bà O xác nhận còn nợ hui của bà H số tiền là 3.680.000.000 đồng.

Nội dung giấy mượn nợ ngày 01/8/2023 bà O và bà H có thỏa thuận với nhau về việc bà H cho bà O mượn số tiền 4.000.000.000 đồng trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày 1/8/2023 đến ngày 1/12/2023), còn đối với giấy xác nhận nợ ngày 12/8/2023 với số tiền 3.680.000.000 đồng thì nội dung thể hiện bà O có hứa sẽ trả hết cho bà H trong khoảng thời gian từ ngày 12/8/2023 đến tết. Mặc dù đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà O đã không trả lại số tiền đã nhận cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ.

Đối với bị đơn, quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ ngày 13/5/2024 cho bị đơn bà Hồ Thị Kiều O yêu cầu bà O cung cấp chứng cứ về việc đã thanh toán tiền cho bà H. Bị đơn xác nhận đã nhận được thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ do Tòa án tổng đạt nhưng tại bản tường trình ngày 20/5/2024 bà O chỉ trình bày đối với số tiền 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng, thì bà O đã thanh toán được 12 tháng tiền lãi mỗi tháng 120.000.000 đồng cho bà H, còn đối với số tiền góp hui bà O trình bày bà H có góp được cho bà O số tiền 3.500.600 đồng. Lời trình bày của bà O không được bà H thừa nhận, bà O cũng không cung cấp chứng cứ cho lời trình bày của mình, do đó không có cơ sở để xem xét đối với lời trình bày của bị đơn bà Hồ Thị Kiều O.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Như vậy, bị đơn bà Hồ Thị Kiều O có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ về việc đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện. Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Kiều O phải trả số tiền 7.680.000.000 đồng (Bảy tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu đình chỉ phiên tòa của bị đơn: Quá trình tố tụng Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An có nhận được đơn yêu cầu thay đổi thời gian xét xử ngày 12/6/2024, đơn yêu cầu đình chỉ phiên tòa ngày 18/6/2024 của bị đơn bà Hồ Thị Kiều O, trong đơn bà O trình bày: *“như nội dung đơn tôi trình bày, đây là tranh chấp hui và vay tài sản nên tòa án có lời khai hai bên để đối chất công nợ hòa giải theo quy định của pháp luật trước khi mở phiên tòa, việc thẩm phán chưa mời tôi và bà Trần Thị H để lấy lời khai, đối chất công nợ vay, nợ hui và chưa hòa giải, chưa thỏa thuận được phương án trả nợ mà mời tham dự phiên tòa là vi phạm thủ tục tố tụng”*.

Đối với yêu cầu của bị đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 24/4/2024 Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho bị đơn yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Kiều O có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 07/5/2024 để làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà O vắng mặt không rõ lý do. Ngày 13/5/2024 Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải yêu cầu bà Hồ Thị Kiều O có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 22/5/2024 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà O tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, bà O liên tục vắng mặt trong các phiên tòa ngày 14/6/2024 và phiên tòa ngày 21/6/2024 .

Căn cứ Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự:

“5. Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

16. Đương sự phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình tòa án giải quyết vụ việc”.

Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đều đã được tổng đạt trực tiếp cho bị đơn bà Hồ Thị Kiều O, bà O đã không cung cấp chứng cứ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, như vậy bà O đã không tuân thủ pháp luật trong tố tụng dân sự. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét yêu cầu của bà Hồ Thị Kiều O.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, 72, 91, 147, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Nghị định về họ, họ, B, phường;

Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn bà Hồ Thị Kiều O về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hội”.

Buộc bà Hồ Thị Kiều O có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 7.680.000.000 đồng (Bảy tỷ sáu trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn theo quy định của pháp luật. Bà Hồ Thị Kiều O phải chịu 115.680.000 (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự
thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà